

# Phân tích thiết kế hệ thống "Đăng ký môn học"

Ngô Quang Dương

Ngày 17 tháng 4 năm 2019

## Tóm tắt nội dung

## Mục lục

<b>1</b>	<b>Mở đầu</b>	<b>2</b>
1.1	Đặt vấn đề . . . . .	2
1.2	Hệ thống hiện tại . . . . .	2
1.3	Hướng giải quyết . . . . .	2
<b>2</b>	<b>Thu thập và phân tích yêu cầu</b>	<b>2</b>
2.1	Bảng thuật ngữ . . . . .	2
2.2	Tác nhân hệ thống . . . . .	2
2.3	Yêu cầu chức năng . . . . .	3
2.4	Yêu cầu phi chức năng . . . . .	4
2.5	Điều kiện ràng buộc . . . . .	5
<b>3</b>	<b>Đặc tả yêu cầu</b>	<b>5</b>
3.1	Các sơ đồ use case . . . . .	5
3.2	Đặc tả use case dưới dạng bảng . . . . .	8
3.3	Sơ đồ hoạt động . . . . .	22
<b>4</b>	<b>Phân tích tĩnh</b>	<b>22</b>
4.1	Xác định lớp . . . . .	22
4.2	Quan hệ giữa các lớp . . . . .	22
4.3	Lớp phân tích . . . . .	22
4.4	Xác định thuộc tính . . . . .	22
4.5	Xác định phương thức . . . . .	22
<b>5</b>	<b>Phân tích động</b>	<b>22</b>
5.1	Sơ đồ tuần tự . . . . .	22

# 1 Mở đầu

## 1.1 Đặt vấn đề

## 1.2 Hệ thống hiện tại

## 1.3 Hướng giải quyết

# 2 Thu thập và phân tích yêu cầu

## 2.1 Bảng thuật ngữ

- **Người dùng:** Những người có tài khoản trong hệ thống đăng ký môn học.
- **Sinh viên:** Những người theo học tại trường. Sinh viên theo học một khoa nào đó.
- **Chuyên viên:** Những người làm việc ở phòng công tác sinh viên.
- **Giảng viên:** Người tham gia vào việc giảng dạy. Giảng viên thuộc một khoa nào đó hoặc không. Trong một học kỳ, giảng viên có thể giảng dạy một số môn học tại một số lớp. Tuy nhiên giảng viên chỉ dạy môn học thuộc khoa của mình.
- **Khoa:** Đơn vị mà giảng viên làm việc, sinh viên theo học.
- **Môn học:** Phần kiến thức chuyên về một mảng nào đó, ví dụ như **giải tích, toán rời rạc, lập trình hướng đối tượng**, ... Một môn học có thể thuộc một khoa nào đó hoặc không.
- **Lớp môn học:** Một môn học có thể được chia ra làm nhiều lớp. Chẳng hạn với môn cơ sở dữ liệu (mã môn học là **INT2207**) có các lớp **INT2207 1**, **INT2207 2**, **INT2207 3**, ...
- **Buổi lý thuyết:** Mọi lớp học đều có duy nhất một buổi lý thuyết.
- **Buổi thực hành:** Một lớp học có thể có nhiều hoặc không có buổi thực hành nào.

## 2.2 Tác nhân hệ thống

- Quản trị hệ thống.
- Sinh viên.
- Chuyên viên.
- Giảng viên.

## 2.3 Yêu cầu chức năng

### Chức năng chung:

- Đăng nhập/đăng xuất.
- Chỉnh sửa thông tin tài khoản.

### Chức năng dành cho quản trị hệ thống:

- Quản lý người dùng.
  - Xem thông tin người dùng.
  - Tìm kiếm người dùng.
  - Tạo người dùng mới.
  - Chỉnh sửa thông tin.
  - Xóa người dùng.
- Quản lý môn học:
  - Xem thông tin môn học.
  - Tìm kiếm môn học.
  - Tạo môn học/lớp môn học mới.
  - Chỉnh sửa thông tin môn học/lớp môn học.
  - Xóa môn học/lớp môn học.
- Quản lý lớp học:
  - Xem thông tin lớp học.
  - Tìm kiếm lớp học.
  - Tạo lớp học mới.
  - Đặt thời khóa biểu.
  - Chỉnh sửa thông tin lớp học.
  - Xóa lớp học.
- Mở/đóng hệ thống:
  - Cho sinh viên đăng ký môn học.
  - Cho giảng viên sắp xếp thời khóa biểu.

### **Chức năng dành cho sinh viên:**

- Xem thông tin môn học.
- Tìm kiếm môn học.
- Xem thông tin giảng viên.
- Tìm kiếm giảng viên.
- Đăng ký môn học.
  - Tìm kiếm lớp học.
  - Đăng ký lớp học mới.
  - Bỏ lớp học đã chọn.
  - Xem danh sách các lớp đã đăng ký.

### **Chức năng dành cho chuyên viên:**

- Tìm kiếm sinh viên.
- Xem thông tin sinh viên.
- Chọn sinh viên (để thực hiện việc đăng ký môn học)
  - Đăng ký môn học mới.
  - Hủy môn học đã chọn.
  - Xem danh sách các môn đã đăng ký.

### **Chức năng dành cho giảng viên:**

- Tìm kiếm lớp học.
- Xem thông tin lớp học.
- Chọn/hủy lớp giảng dạy.
- Xem danh sách các lớp đã nhận.

## **2.4 Yêu cầu phi chức năng**

Qua khảo sát đối với người dùng là sinh viên, hệ thống cần được đáp ứng các yêu cầu sau:

- Kết nối nhanh.
- Thời gian thực.
- Giao diện dễ sử dụng.
- Dễ tìm kiếm môn học cần đăng ký.

## 2.5 Điều kiện ràng buộc

Đối với quản trị hệ thống:

- Không được xóa môn học đã có lớp.
- Không được xóa lớp học đã có sinh viên đăng ký.

Đối với sinh viên và chuyên viên:

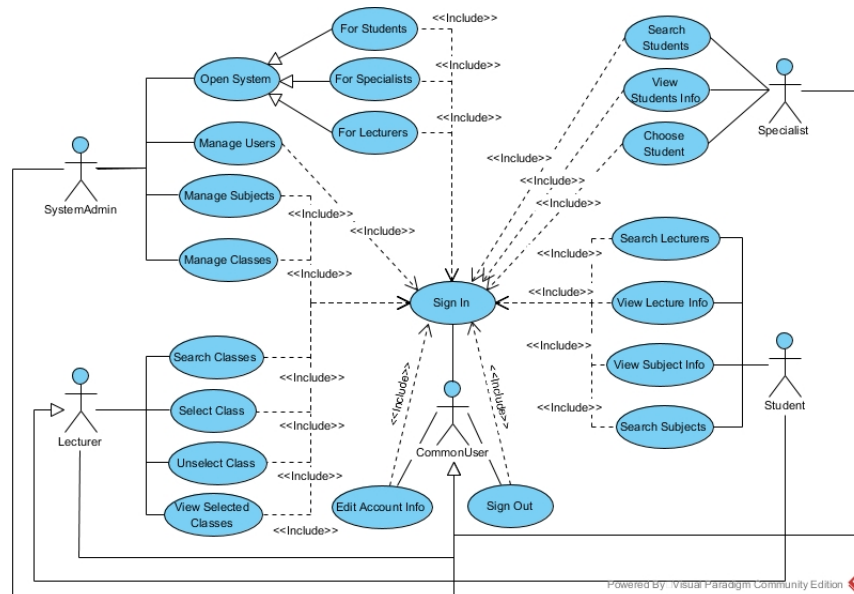
- Không đăng ký quá 2 môn giáo dục thể chất.
- Không đăng ký môn học đã qua với điểm cao hơn  $D$ .
- Không đăng ký nhiều hơn 1 lớp cùng một môn.
- Không đăng ký 2 môn học trùng thời khóa biểu.
- Số tín chỉ không vượt quá 40.

Đối với giảng viên:

- Không nhận hai lớp bị trùng thời khóa biểu.
- Chỉ được nhận lớp thuộc môn học ở khoa mà giảng viên đó giảng dạy.

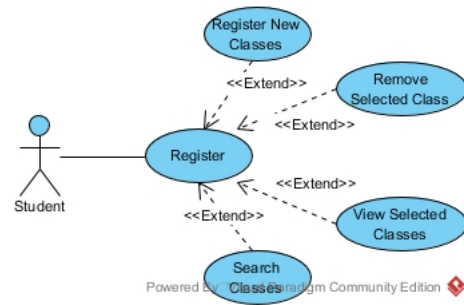
## 3 Đặc tả yêu cầu

### 3.1 Các sơ đồ use case

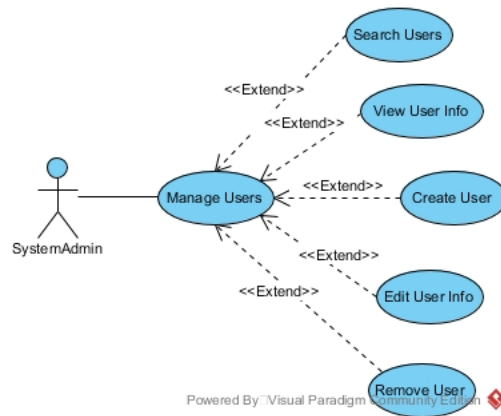


Hình 1: Sơ đồ use case tổng quan

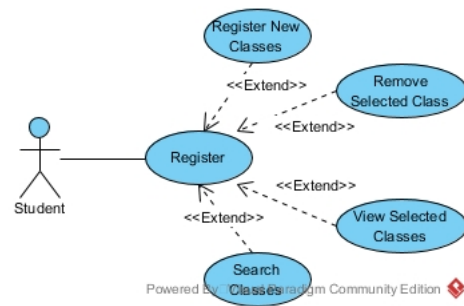
Do khả năng tận dụng diện tích có hạn nên một số use case được thể hiện trong các sơ đồ use case phân rã như dưới đây



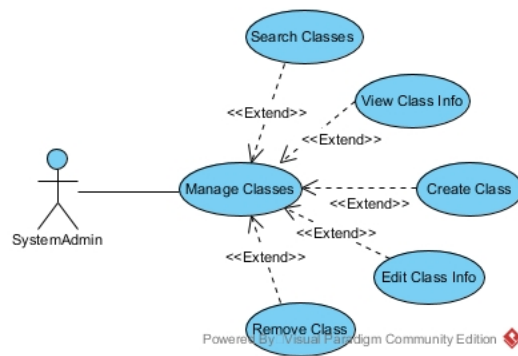
Hình 2: Sơ đồ phân rã cho use case đăng ký môn học



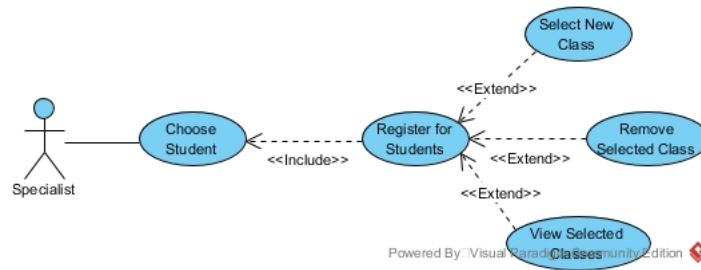
Hình 3: Sơ đồ phân rã cho use case quản lý người dùng



Hình 4: Sơ đồ phân rã cho use case quản lý môn học



Hình 5: Sơ đồ phân rã cho use case quản lý lớp học



Hình 6: Sơ đồ phân rã cho use case chọn sinh viên

### 3.2 Đặc tả use case dưới dạng bảng

#### Use case chung

Bảng 1: Đăng nhập

<b>Tên use case:</b> Đăng nhập <b>ID:</b> common01		
<b>Tác nhân chính:</b> Tất cả		
<b>Mức độ quan trọng:</b> cao <b>Loại use case:</b> hệ thống		
<b>Mô tả:</b> Xác thực người dùng dựa vào tên đăng nhập và mật khẩu		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Người dùng truy cập vào hệ thống mà chưa được xác thực thành công.		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b>		
– Để có thể thực hiện các use case khác, cần đăng nhập trước.		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Người dùng	Nhập thông tin đăng nhập
2	Người dùng	Gửi yêu cầu đăng nhập
3	Hệ thống	Kiểm tra thông tin đăng nhập
4	Hệ thống	Điều hướng đến trang chính
<b>Luồng hoạt động con:</b>		
3.1	Hệ thống	Thông báo thông tin đăng nhập sai

Bảng 2: Đăng xuất

<b>Tên use case:</b> Đăng xuất <b>ID:</b> common02		
<b>Tác nhân chính:</b> Tất cả		
<b>Mức độ quan trọng:</b> trung bình <b>Loại use case:</b> hệ thống		
<b>Mô tả:</b> Rời khỏi hệ thống		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Người dùng yêu cầu đăng xuất		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b>		
– Phụ thuộc vào use case đăng nhập.		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Người dùng	Chọn đăng xuất
2	Hệ thống	Xóa session/cookie



Bảng 3: Sửa thông tin tài khoản

<b>Tên use case:</b> Sửa thông tin tài khoản <b>ID:</b> common03		
<b>Tác nhân chính:</b> Tất cả		
<b>Mức độ quan trọng:</b> trung bình <b>Loại use case:</b> hệ thống		
<b>Mô tả:</b> Sửa các thông tin như <i>thông tin cá nhân, email, mật khẩu, ...</i>		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Người dùng truy cập trang chỉnh sửa thông tin tài khoản		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b>		
– Phụ thuộc vào use case đăng nhập.		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Người dùng	Nhập lại những thông tin cần chỉnh sửa
2	Người dùng	Gửi yêu cầu sửa
3	Hệ thống	Kiểm tra tính hợp lý của thông tin mới
4	Hệ thống	Cập nhật thông tin mới

## Quản trị hệ thống

Bảng 4: Đóng/mở hệ thống cho giảng viên

<b>Tên use case:</b> Đóng/mở hệ thống cho giảng viên <b>ID:</b> sa01		
<b>Tác nhân chính:</b> quản trị hệ thống		
<b>Mức độ quan trọng:</b> cao <b>Loại use case:</b> hệ thống		
<b>Mô tả:</b> Cho phép giảng viên chọn lớp		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Quản trị viên chọn chức năng		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b>		
– Phụ thuộc vào use case đăng nhập.		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Quản trị hệ thống	Chọn chức năng đóng hoặc mở hệ thống đối với giảng viên
2	Hệ thống	Đóng hệ thống đối với các tác nhân khác
<b>Luồng hoạt động con:</b>		
1.1	Hệ thống	Đóng hệ thống đối với giảng viên

Bảng 5: Đóng/mở hệ thống cho chuyên viên

<b>Tên use case:</b> Đóng/mở hệ thống cho chuyên viên <b>ID:</b> sa02		
<b>Tác nhân chính:</b> quản trị hệ thống		
<b>Mức độ quan trọng:</b> cao <b>Loại use case:</b> hệ thống		
<b>Mô tả:</b> Cho phép chuyên viên thực hiện đăng ký lớp học/chỉnh sửa đăng ký giúp sinh viên		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Quản trị viên chọn chức năng		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b> – Phụ thuộc vào use case đăng nhập		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Quản trị hệ thống	Chọn chức năng đóng hoặc mở hệ thống đối với chuyên viên
2	Hệ thống	Đóng hệ thống đối với giảng viên
3	Hệ thống	Mở hệ thống đối với chuyên viên
<b>Luồng hoạt động con:</b>		
1.1	Hệ thống	Đóng hệ thống đối với chuyên viên

Bảng 6: Đóng/mở hệ thống cho sinh viên

<b>Tên use case:</b> Đóng/mở hệ thống cho sinh viên <b>ID:</b> sa03		
<b>Tác nhân chính:</b> quản trị hệ thống		
<b>Mức độ quan trọng:</b> cao <b>Loại use case:</b> hệ thống		
<b>Mô tả:</b> Cho phép sinh viên đăng ký lớp học		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Quản trị viên chọn chức năng		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b> – Phụ thuộc vào use case đăng nhập.		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Quản trị hệ thống	Chọn chức năng đóng hoặc mở hệ thống đối với sinh viên
2	Hệ thống	Đóng hệ thống đối với giảng viên
3	Hệ thống	Mở hệ thống đối với sinh viên
<b>Luồng hoạt động con:</b>		
1.1	Hệ thống	Đóng hệ thống đối với sinh viên

Bảng 7: Tìm kiếm người dùng

<b>Tên use case:</b> Tìm kiếm người dùng <b>ID:</b> sa04		
<b>Tác nhân chính:</b> quản trị hệ thống		
<b>Mức độ quan trọng:</b> trung bình <b>Loại use case:</b> nghiệp vụ		
<b>Mô tả:</b> Tìm kiếm người dùng dựa trên các thuộc tính như <i>từ khóa, chức vụ, ...</i>		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Quản trị viên sử dụng form tìm kiếm người dùng		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b> – Phụ thuộc vào use case đăng nhập.		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Quản trị hệ thống	Nhập thông tin tìm kiếm
2	Quản trị hệ thống	Gửi yêu cầu tìm kiếm
3	Hệ thống	Tìm kiếm dựa trên thông tin yêu cầu
4	Hệ thống	Hiển thị kết quả tìm kiếm

Bảng 8: Xem thông tin người dùng

<b>Tên use case:</b> Xem thông tin người dùng <b>ID:</b> sa05		
<b>Tác nhân chính:</b> quản trị hệ thống		
<b>Mức độ quan trọng:</b> thấp <b>Loại use case:</b> nghiệp vụ		
<b>Mô tả:</b> xem tất cả thông tin của người dùng hệ thống (trừ mật khẩu, mật khẩu được băm)		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Quản trị hệ thống chọn một người dùng cụ thể		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b> – Phụ thuộc vào use case đăng nhập		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Hệ thống	Hiển thị tất cả thông tin về người dùng

Bảng 9: Tạo người dùng mới

<b>Tên use case:</b> Xem thông tin người dùng <b>ID:</b> sa06		
<b>Tác nhân chính:</b> quản trị hệ thống		
<b>Mức độ quan trọng:</b> trung bình <b>Loại use case:</b> nghiệp vụ		
<b>Mô tả:</b> Tạo một tài khoản mới		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Quản trị hệ thống truy cập trang tạo người dùng mới		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b>		
– Phụ thuộc vào use case đăng nhập		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
		Nhập thông tin cho tài khoản mới, gồm:
		– Mã người dùng.
		– Chức vụ trong hệ thống (giảng viên, chuyên viên, sinh viên)
1	Quản trị hệ thống	– Họ tên.
		– Giới tính.
		– Năm sinh.
		– ...
2	Quản trị hệ thống	Gửi yêu cầu tạo tài khoản
3	Hệ thống	Kiểm tra trùng lặp
4	Hệ thống	Kiểm tra tính hợp lệ
5	Hệ thống	Tạo tài khoản mới
6	Hệ thống	Thông báo tạo tài khoản thành công
<b>Luồng hoạt động con:</b>		
3.1	Hệ thống	Thông báo thông tin bị trùng lặp
4.1	Hệ thống	Thông báo thông tin không hợp lệ

Bảng 10: Sửa thông tin người dùng

<b>Tên use case:</b> Sửa thông tin người dùng <b>ID:</b> sa07		
<b>Tác nhân chính:</b> Quản trị hệ thống		
<b>Mức độ quan trọng:</b> trung bình <b>Loại use case:</b> nghiệp vụ		
<b>Mô tả:</b> Sửa một số thông tin của người dùng		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Quản trị hệ thống chọn một người dùng cụ thể		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b> – Phụ thuộc vào use case đăng nhập		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Quản trị hệ thống	Chọn chức năng sửa
2	Quản trị hệ thống	Nhập lại những thông tin cần sửa
3	Quản trị hệ thống	Gửi yêu cầu sửa
4	Hệ thống	Kiểm tra trùng lặp
5	Hệ thống	Kiểm tra tính hợp lệ
6	Hệ thống	Cập nhật thông tin mới
<b>Luồng hoạt động con:</b>		
4.1	Hệ thống	Thông báo trùng lặp
5.1	Hệ thống	Thông báo thông tin không hợp lệ

Bảng 11: Xóa người dùng

<b>Tên use case:</b> Xóa người dùng <b>ID:</b> sa08		
<b>Tác nhân chính:</b> quản trị hệ thống		
<b>Mức độ quan trọng:</b> thấp <b>Loại use case:</b> nghiệp vụ		
<b>Mô tả:</b> Xóa tất cả thông tin, những gì liên quan đến một người dùng cụ thể		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Quản trị hệ thống chọn một người dùng cụ thể		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b> – Phụ thuộc vào use case đăng nhập		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Quản trị hệ thống	Gửi yêu cầu xóa một tài khoản
2	Hệ thống	Xóa tài khoản và các thông tin liên quan
3	Hệ thống	Thông báo xóa thành công

Bảng 12: Tìm kiếm môn học

<b>Tên use case:</b> Tìm kiếm môn học <b>ID:</b> sa09		
<b>Tác nhân chính:</b> quản trị hệ thống		
<b>Mức độ quan trọng:</b> trung bình <b>Loại use case:</b> nghiệp vụ		
<b>Mô tả:</b> Tìm kiếm môn học dựa trên các thuộc tính như <i>từ khóa, khoa, ...</i>		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Quản trị viên sử dụng form tìm kiếm môn học		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b> – Phụ thuộc vào use case đăng nhập.		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Quản trị hệ thống	Nhập thông tin tìm kiếm
2	Quản trị hệ thống	Gửi yêu cầu tìm kiếm
3	Hệ thống	Tìm kiếm dựa trên thông tin yêu cầu
4	Hệ thống	Hiển thị kết quả tìm kiếm

Bảng 13: Xem thông tin môn học

<b>Tên use case:</b> Xem thông tin môn học <b>ID:</b> sa10		
<b>Tác nhân chính:</b> quản trị hệ thống		
<b>Mức độ quan trọng:</b> thấp <b>Loại use case:</b> nghiệp vụ		
<b>Mô tả:</b> Xem tất cả thông tin của môn học được chọn		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Quản trị hệ thống chọn một môn học cụ thể		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b>		
– Phụ thuộc vào use case đăng nhập		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Hệ thống	Hiển thị tất cả thông tin về môn học

Bảng 14: Tạo môn học mới

<b>Tên use case:</b> Tạo môn học mới <b>ID:</b> sa11		
<b>Tác nhân chính:</b> quản trị hệ thống		
<b>Mức độ quan trọng:</b> trung bình <b>Loại use case:</b> nghiệp vụ		
<b>Mô tả:</b> Tạo một môn học mới		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Quản trị hệ thống truy cập trang tạo môn học mới		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b>		
– Phụ thuộc vào use case đăng nhập		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Quản trị hệ thống	Nhập thông tin cho môn học mới
2	Quản trị hệ thống	Gửi yêu cầu tạo môn học
3	Hệ thống	Kiểm tra trùng lặp
4	Hệ thống	Kiểm tra tính hợp lệ
5	Hệ thống	Tạo môn học mới
6	Hệ thống	Thông báo tạo môn học thành công
<b>Luồng hoạt động con:</b>		
3.1	Hệ thống	Thông báo thông tin bị trùng lặp
4.1	Hệ thống	Thông báo thông tin không hợp lệ

Bảng 15: Sửa thông tin môn học

<b>Tên use case:</b> Sửa thông tin môn học <b>ID:</b> sa12		
<b>Tác nhân chính:</b> Quản trị hệ thống		
<b>Mức độ quan trọng:</b> trung bình <b>Loại use case:</b> nghiệp vụ		
<b>Mô tả:</b> Sửa một số thông tin của môn học được chọn		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Quản trị hệ thống chọn một môn học cụ thể		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b> – Phụ thuộc vào use case đăng nhập		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Quản trị hệ thống	Chọn chức năng sửa
2	Quản trị hệ thống	Nhập lại những thông tin cần sửa
3	Quản trị hệ thống	Gửi yêu cầu sửa
4	Hệ thống	Kiểm tra trùng lặp
5	Hệ thống	Kiểm tra tính hợp lệ
6	Hệ thống	Cập nhật thông tin mới
<b>Luồng hoạt động con:</b>		
4.1	Hệ thống	Thông báo trùng lặp
5.1	Hệ thống	Thông báo thông tin không hợp lệ

Bảng 16: Xóa môn học

<b>Tên use case:</b> Xóa môn học <b>ID:</b> sa13		
<b>Tác nhân chính:</b> quản trị hệ thống		
<b>Mức độ quan trọng:</b> thấp <b>Loại use case:</b> nghiệp vụ		
<b>Mô tả:</b> Xóa một môn học cụ thể		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Quản trị hệ thống chọn một môn học cụ thể		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b> – Phụ thuộc vào use case đăng nhập		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Quản trị hệ thống	Gửi yêu cầu xóa một môn học
2	Hệ thống	Xóa tài khoản và các thông tin liên quan
3	Hệ thống	Thông báo xóa thành công
<b>Luồng hoạt động con:</b>		
1.1	Hệ thống	Thông báo không được xóa môn học đã có lớp



Bảng 17: Tìm kiếm lớp học

<b>Tên use case:</b> Tìm kiếm lớp học <b>ID:</b> sa14		
<b>Tác nhân chính:</b> quản trị hệ thống		
<b>Mức độ quan trọng:</b> trung bình <b>Loại use case:</b> nghiệp vụ		
<b>Mô tả:</b> Tìm kiếm lớp học dựa trên các thuộc tính như <i>từ khóa, môn học, ...</i>		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Quản trị viên sử dụng form tìm kiếm lớp học		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b> – Phụ thuộc vào use case đăng nhập.		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Quản trị hệ thống	Nhập thông tin tìm kiếm
2	Quản trị hệ thống	Gửi yêu cầu tìm kiếm
3	Hệ thống	Tìm kiếm lớp học dựa trên thông tin yêu cầu
4	Hệ thống	Hiển thị kết quả tìm kiếm

Bảng 18: Xem thông tin lớp học

<b>Tên use case:</b> Xem thông tin lớp học <b>ID:</b> sa14		
<b>Tác nhân chính:</b> quản trị hệ thống		
<b>Mức độ quan trọng:</b> thấp <b>Loại use case:</b> nghiệp vụ		
<b>Mô tả:</b> Xem tất cả thông tin của môn học được chọn		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Quản trị hệ thống chọn một môn học cụ thể		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b> – Phụ thuộc vào use case đăng nhập		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Hệ thống	Hiển thị tất cả thông tin về môn học

Bảng 19: Tạo lớp học mới

<b>Tên use case:</b> Tạo lớp học mới <b>ID:</b> sa15		
<b>Tác nhân chính:</b> quản trị hệ thống		
<b>Mức độ quan trọng:</b> trung bình <b>Loại use case:</b> nghiệp vụ		
<b>Mô tả:</b> Tạo một lớp học mới		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Quản trị hệ thống truy cập trang tạo lớp học mới		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b> – Phụ thuộc vào use case đăng nhập		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
		Nhập thông tin cho lớp học mới, gồm:
		– Tên lớp học.
		– Môn học.
		– Thời khóa biểu.
		– Phòng học.
		– Các buổi lý thuyết, thực hành (nếu có)
1	Quản trị hệ thống	
2	Quản trị hệ thống	Gửi yêu cầu tạo lớp học
3	Hệ thống	Kiểm tra trùng lặp
4	Hệ thống	Kiểm tra tính hợp lệ
5	Hệ thống	Tạo lớp học mới
6	Hệ thống	Thông báo tạo lớp học thành công
<b>Luồng hoạt động con:</b>		
3.1	Hệ thống	Thông báo thông tin bị trùng lặp
4.1	Hệ thống	Thông báo thông tin không hợp lệ

Bảng 20: Sửa thông tin lớp học

<b>Tên use case:</b> Sửa thông tin lớp học <b>ID:</b> sa16		
<b>Tác nhân chính:</b> quản trị hệ thống		
<b>Mức độ quan trọng:</b> trung bình <b>Loại use case:</b> nghiệp vụ		
<b>Mô tả:</b> Sửa một số thông tin của lớp học được chọn		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Quản trị hệ thống chọn một lớp học cụ thể		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b> – Phụ thuộc vào use case đăng nhập		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Quản trị hệ thống	Chọn chức năng sửa
2	Quản trị hệ thống	Nhập lại những thông tin cần sửa
3	Quản trị hệ thống	Gửi yêu cầu sửa
4	Hệ thống	Kiểm tra trùng lặp
5	Hệ thống	Kiểm tra tính hợp lệ
6	Hệ thống	Cập nhật thông tin mới
<b>Luồng hoạt động con:</b>		
4.1	Hệ thống	Thông báo trùng lặp
5.1	Hệ thống	Thông báo thông tin không hợp lệ

Bảng 21: Xóa môn học

<b>Tên use case:</b> Xóa lớp học <b>ID:</b> sa18		
<b>Tác nhân chính:</b> quản trị hệ thống		
<b>Mức độ quan trọng:</b> thấp <b>Loại use case:</b> nghiệp vụ		
<b>Mô tả:</b> Xóa một lớp học cụ thể		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Quản trị hệ thống chọn một lớp học cụ thể		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b>		
– Phụ thuộc vào use case đăng nhập		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Quản trị hệ thống	Gửi yêu cầu xóa một lớp học
2	Hệ thống	Xóa lớp học
3	Hệ thống	Thông báo xóa thành công
<b>Luồng hoạt động con:</b>		
1.1	Hệ thống	Thông báo không được xóa lớp học đã có sinh viên đăng ký

### Dành cho giảng viên

Giảng viên cũng có use case *tìm kiếm lớp học* và *xem thông tin lớp học* như của quản trị hệ thống, với đặc tả hoàn toàn tương tự.

Bảng 22: Nhận lớp học

<b>Tên use case:</b> Nhận lớp học <b>ID:</b> lec01		
<b>Tác nhân chính:</b> giảng viên		
<b>Mức độ quan trọng:</b> trung bình <b>Loại use case:</b> nghiệp vụ		
<b>Mô tả:</b> Giảng viên nhận giảng dạy một lớp		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Giảng viên chọn một lớp		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b> – Phụ thuộc vào use case đăng nhập.		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Giảng viên	Gửi yêu cầu nhận lớp
2	Hệ thống	Kiểm tra thời khoá biểu và các lớp đã nhận
3	Hệ thống	Thông báo nhận lớp thành công
<b>Luồng hoạt động con:</b>		
2.1	Hệ thống	Thông báo trùng thời khoá biểu

Bảng 23: Rời lớp học

<b>Tên use case:</b> Rời lớp học <b>ID:</b> lec02		
<b>Tác nhân chính:</b> giảng viên		
<b>Mức độ quan trọng:</b> trung bình <b>Loại use case:</b> nghiệp vụ		
<b>Mô tả:</b> Giảng viên huỷ nhận một lớp mà mình đã chọn nhận		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Giảng viên chọn một lớp mình đã nhận		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b> – Phụ thuộc vào use case đăng nhập.		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Giảng viên	Gửi yêu cầu huỷ nhận lớp
2	Hệ thống	Thông báo huỷ nhận lớp thành công

Bảng 24: Xem danh sách lớp đã nhận

<b>Tên use case:</b> Xem danh sách lớp đã nhận <b>ID:</b> lec03		
<b>Tác nhân chính:</b> Giảng viên		
<b>Mức độ quan trọng:</b> trung bình <b>Loại use case:</b> nghiệp vụ		
<b>Mô tả:</b> Giảng viên xem những lớp học mình đã nhận		
<b>Điều kiện khởi phát:</b> Giảng viên truy cập vào trang cá nhân		
<b>Quan hệ với các use case khác:</b> – Phụ thuộc vào use case đăng nhập.		
<b>Luồng hoạt động chính:</b>		
TT	Thực hiện bởi	Hành động
1	Hệ thống	Hiển thị danh sách lớp đã nhận

### 3.3 Sơ đồ hoạt động

## 4 Phân tích tĩnh

### 4.1 Xác định lớp

### 4.2 Quan hệ giữa các lớp

### 4.3 Lớp phân tích

### 4.4 Xác định thuộc tính

### 4.5 Xác định phương thức

## 5 Phân tích động

### 5.1 Sơ đồ tuần tự

## Tài liệu

[1]

[2]